

QUYẾT ĐỊNH
**Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển
kinh tế - xã hội tỉnh Yên Bái đến năm 2020**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Yên Bái đến năm 2020 với một số nội dung chủ yếu như sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Yên Bái phải phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Trung du miền núi Bắc Bộ; đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với quy hoạch ngành, lĩnh vực của cả nước.

2. Huy động cao nhất mọi nguồn lực, khai thác có hiệu quả tiềm năng thế mạnh của tỉnh về nguồn nhân lực, đất đai và các nguồn tài nguyên khác; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

3. Tập trung, ưu tiên phát triển các sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chủ lực, có lợi thế, giá trị và hàm lượng công nghệ cao, nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường, từng bước hướng ra xuất khẩu.

4. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn, giải phóng sức sản xuất. Nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích canh tác. Sản xuất tập trung thành vùng nguyên liệu, gắn với phát triển công nghiệp chế biến, tạo ra sản phẩm có giá trị kinh tế cao.

5. Đẩy mạnh tiến độ xây dựng hạ tầng các khu du lịch, hình thành các sản phẩm du lịch; chuyển dịch mạnh du lịch trong nhóm ngành dịch vụ.

6. Gắn phát triển kinh tế với phát triển xã hội, phát triển nguồn nhân lực, tạo việc làm, giảm nghèo, giảm chênh lệch về mức sống giữa các khu vực; làm tốt công tác bảo vệ và tái tạo môi trường; đảm bảo quốc phòng an ninh và trật tự an toàn xã hội.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Phân đấu đến năm 2020, Yên Bái cơ bản trở thành một tỉnh công nghiệp và là một trong những trung tâm phát triển của vùng miền núi phía Bắc. Duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế hợp lý và bền vững. Phát triển kinh tế gắn với phát triển văn hóa xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thu hẹp đáng kể khoảng cách chênh lệch về mức sống của dân cư so với bình quân chung cả nước.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân thời kỳ 2011 - 2015 là 13,5%, thời kỳ 2016 - 2020 là 14,0%.

- Cơ cấu kinh tế: Công nghiệp Xây dựng - Dịch vụ - Nông lâm nghiệp năm 2015 là 41% - 34% - 25%, năm 2020 là 45% - 37% - 18%.

- Thu nhập bình quân đầu người năm 2015 đạt 25 triệu đồng trở lên, năm 2020 là 59 triệu đồng.

- Tổng sản lượng lương thực có hạt năm 2015 là 275.000 tấn, năm 2020 là 290.000 tấn.

- Giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn năm 2015 là 7.400 tỷ đồng, năm 2020 là 16.000 tỷ đồng.

- Kim ngạch xuất khẩu năm 2015 trên 100 triệu USD, năm 2020 là 300 triệu USD.

- Tổng thu cân đối ngân sách trên địa bàn năm 2015 là 1.700 tỷ đồng, năm 2020 là 5.200 tỷ đồng.

- Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn 5 năm 2011 - 2015 khoảng 34.000 tỷ đồng, 5 năm 2016 - 2020 khoảng 70.000 tỷ đồng.

b) Về xã hội

- Bình quân mỗi năm tạo việc làm mới cho 18.000 lao động.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2015 là 45%, năm 2020 là 55%.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân mỗi năm 4% (theo chuẩn từng thời kỳ).

- Tỷ lệ trường mầm non và phổ thông đạt chuẩn quốc gia năm 2015 là 35%; năm 2020 là 46%.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng năm 2015 giảm còn 19%, năm 2020 giảm còn 16%.

- Năm 2015 có 90 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế xã; năm 2020 có 144 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế xã (theo chuẩn giai đoạn 2011 - 2020).

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên năm 2015 là 1,086%, năm 2020 là 1,006%.

- Tỷ lệ xã đạt tiêu chí nông thôn mới năm 2015 từ 15 - 20%, năm 2020 là 50%.

c) Về môi trường

- Tỷ lệ che phủ của rừng từ năm 2015 trở đi đạt 63,5%.

- Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh năm 2015 là 85%, năm 2020 là 90%.

- Tỷ lệ dân cư đô thị được sử dụng nước sạch năm 2015 là 75%, năm 2020 là 80%.

- Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn có nhà tiêu hợp vệ sinh năm 2015 là 50%, năm 2020 là 65%.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Nông, lâm nghiệp

Tập trung phát triển những cây trồng, vật nuôi có lợi thế. Hình thành các vùng sản xuất hàng hoá sinh thái sạch, công nghệ cao. Giữ ổn định diện tích các cây trồng lớn; tăng năng suất cây trồng, vật nuôi trên cơ sở thâm canh, áp

dụng các tiên bộ khoa học kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động. Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp, tăng nhanh tỷ trọng chăn nuôi và tỷ trọng lâm nghiệp. Phát triển mạnh mô hình sản xuất nông nghiệp đa canh. Phân đầu tốc độ tăng giá trị sản xuất nông lâm nghiệp thời kỳ 2011 - 2015 là 5,5%, thời kỳ 2016 - 2020 là 5,4%. Tỷ trọng nông nghiệp năm 2015 là 68%, năm 2020 là 65%; tỷ trọng lâm nghiệp năm 2015 là 25%, năm 2020 là 26%; tỷ trọng thủy sản năm 2015 là 7%, năm 2020 là 9%.

Đẩy mạnh cơ giới hoá, kết hợp phát triển công nghiệp, dịch vụ và ngành nghề nông thôn. Giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập của dân cư nông thôn gấp trên 2,5 lần so với hiện nay. Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng theo hướng hiện đại; gắn với phát triển đô thị, bảo vệ môi trường; xây dựng quy hoạch các xã nông thôn mới và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu theo tiêu chí phù hợp với điều kiện của tỉnh.

2. Công nghiệp

Phân đầu tốc độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp thời kỳ 2011 - 2015 đạt 21%, thời kỳ 2016 - 2020 đạt 16,7%. Tỷ trọng công nghiệp khai thác năm 2015 là 6%, năm 2020 là 5%; tỷ trọng công nghiệp sản xuất và phân phối điện nước năm 2015 là 11%, năm 2020 là 12%; duy trì tỷ trọng công nghiệp chế biến từ năm 2015 là 83%.

Tiếp tục phát triển công nghiệp để tạo bước đột phá cho phát triển kinh tế - xã hội. Chú trọng công nghiệp chế biến sâu, tập trung vào các lĩnh vực chế biến nông lâm, khoáng sản, vật liệu xây dựng: Chè, tinh bột sắn, gỗ, giấy đé, bột giấy, sứ cách điện, xi măng, gạch, cao lanh, cacbonnat canxi, đá mỹ nghệ, đá xây dựng,... Các thủy điện nhỏ nhằm cung cấp điện sinh hoạt tại chỗ cho đồng bào vùng sâu, vùng xa. Phát triển một số ngành công nghiệp mới như: Sơn công nghiệp, cồn nhiên liệu sinh học, ván ép, giấy bao bì,... công nghiệp phụ trợ, sản xuất và lắp ráp ô tô, xe máy, điện tử; công nghiệp chế tạo, sản xuất linh kiện điện tử; công nghiệp dệt may, giày da,...

Nghiên cứu, thăm dò, xem xét, khai thác và sử dụng hợp lý, gắn với bảo vệ môi trường và phát triển bền vững đối với các điểm mỏ khoáng sản (sắt, đồng, chì, kẽm, barit, pyrit, mangan, puzlan,...), đá quý, đất hiếm, nước khoáng phục vụ cho sản xuất công nghiệp của tỉnh.

Phát triển các cơ sở chế biến nông lâm sản tại các vùng nông thôn nhằm tăng giá trị sản xuất công nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp chế biến, tiêu thụ hàng hóa nông lâm sản và nâng cao đời sống nông dân.

3. Dịch vụ

Phần đầu tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành dịch vụ thời kỳ 2011 - 2015 đạt 15,1%, thời kỳ 2016 - 2020 đạt 17,5%. Tỷ trọng thương mại, du lịch năm 2015 là 24%, năm 2020 là 25%; tỷ trọng vận tải, bưu điện năm 2015 là 17,5%, năm 2020 là 17%; tỷ trọng dịch vụ khác năm 2015 là 58,5%, năm 2020 là 58%.

Hình thành một số trung tâm, khu, cụm thương mại, dịch vụ gắn với các điểm giao cắt với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai. Phát triển thương mại, dịch vụ theo hướng văn minh, hiện đại.

Đầu tư khai thác phát huy các tiềm năng du lịch, đưa du lịch thành một mũi đột phá trong phát triển các ngành dịch vụ. Tập trung vào các loại hình dịch vụ du lịch chất lượng cao, gắn với du lịch sinh thái và các di tích lịch sử, lễ hội truyền thống mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc của từng vùng.

Đổi mới, nâng cao chất lượng và đa dạng hoá các mặt hàng xuất khẩu, tăng tỷ trọng các sản phẩm đã qua chế biến. Củng cố và mở rộng thị trường xuất khẩu, thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại. Xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm xuất khẩu.

Nâng cao chất lượng các dịch vụ vận tải. Chú trọng năng lực, trách nhiệm của người điều khiển phương tiện và chất lượng các phương tiện vận tải để đảm bảo an toàn giao thông. Tiếp tục phát triển các dịch vụ vận tải chất lượng cao, văn minh, hiện đại như: Vận tải lữ hành, tắc xi, xe buýt,...

Phát triển các dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chuyển giao tiên bộ khoa học kỹ thuật, các dịch vụ cung ứng vật tư kỹ thuật phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân.

4. Các lĩnh vực văn hoá xã hội

a) Giáo dục và Đào tạo

Phần đầu đến năm 2014, hoàn thành mục tiêu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; năm 2015 có 100% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi. Duy trì 100% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo theo hướng toàn diện và vững chắc, thực hiện mục tiêu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài. Tạo bước chuyển biến mạnh mẽ theo hướng “chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá”. Phần đầu đến năm 2015 đạt các chỉ tiêu cơ bản về giáo dục mầm non và phổ thông ngang bằng với các chỉ số trung bình của cả nước.

b) Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Phát triển các dịch vụ khám chữa bệnh chất lượng cao. Chủ động phòng chống dịch bệnh, giảm tỷ lệ mắc bệnh và tử vong, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ và cải thiện chất lượng cuộc sống. Quan tâm chăm sóc sức khỏe đối với người có công, gia đình thương binh liệt sỹ, người nghèo. Thực hiện tốt an toàn vệ sinh thực phẩm, vệ sinh an toàn lao động.

Phấn đấu đến năm 2015 có 8 bác sĩ/vạn dân, năm 2020 có 8,5 bác sĩ/vạn dân. Số giường bệnh/vạn dân năm 2015 đạt 38,6 giường, năm 2020 đạt 42,4 giường; năm 2015 có 90 xã, phường, thị trấn và năm 2020 có 144 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế (theo chuẩn quốc gia giai đoạn 2011 - 2020).

c) Văn hoá, thể thao, phát thanh truyền hình

Phấn đấu đến năm 2015 có 100% xã, phường có làng, bản văn hoá; duy trì 96% cơ quan, đơn vị đạt tiêu chuẩn văn hoá; 85% gia đình văn hóa. Đến năm 2020 có 90% gia đình văn hóa; 98% dân số được nghe Đài Tiếng nói Việt Nam và được xem truyền hình Trung ương.

Phát triển văn hóa, thể thao theo hướng văn minh, hiện đại. Bảo tồn và phát huy các giá trị bản sắc văn hoá dân tộc, nâng cao mức hưởng thụ văn hoá tinh thần cho nhân dân. Đẩy mạnh phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá, bài trừ các hủ tục lạc hậu; phong trào toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại. Chú trọng đầu tư tập luyện, bồi dưỡng các vận động viên năng khiếu tham gia thi đấu các giải thể thao thành tích cao.

Phát triển các lĩnh vực phát thanh truyền hình, xuất bản báo chí theo quy hoạch. Từng bước đầu tư trang thiết bị hiện đại, đổi mới nội dung và nâng cao chất lượng, phát sóng, tiếp sóng các chương trình Trung ương và địa phương. Tăng thời lượng và chất lượng các chương trình phát thanh truyền hình tiếng dân tộc.

d) Khoa học công nghệ

Đổi mới công tác quản lý nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động nghiên cứu triển khai để cung cấp các luận cứ khoa học cho việc hoạch định các chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh.

Phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, tạo sự chuyển biến rõ rệt trong sản xuất và đời sống xã hội.

Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực khoa học công nghệ có chất lượng cao, có chuyên môn phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh. Xây dựng thị trường công nghệ, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, tăng nhanh số lượng và chất lượng các giao dịch mua bán công nghệ. Tổ chức các chợ công nghệ và thiết bị đáp ứng nhu cầu về công nghệ, thiết bị của các doanh nghiệp trong tỉnh.

đ) Lao động, việc làm, giảm nghèo; an sinh xã hội:

Phân đầu hàng năm giải quyết việc làm cho 18.000 lao động, bình quân mỗi năm đưa khoảng 1.000 người đi xuất khẩu lao động. Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2015 là 45%, năm 2020 là 55%. Giảm tỷ lệ hộ nghèo mỗi năm 4% (theo chuẩn của từng thời kỳ).

Quan tâm thực hiện chính sách đối với người có công, gia đình thương binh liệt sỹ, người nghèo; đảm bảo các chính sách an sinh và phúc lợi xã hội.

Chú trọng công tác đào tạo nghề, đào tạo nhân lực cho vùng cao, vùng sâu, vùng xa. Khuyến khích thành lập các cơ sở dạy nghề tư nhân. Đẩy mạnh xuất khẩu lao động, nhất là lao động nông thôn. Tập trung đầu tư hỗ trợ 2 huyện Trạm Tấu và Mù Cang Chải giảm nghèo nhanh và bền vững, từng bước nâng cao đời sống người dân.

5. Tài nguyên và môi trường

Phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững, mọi người dân được sống trong môi trường trong sạch và lành mạnh. Không ngừng bảo vệ và cải thiện môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống và sức khỏe của nhân dân, đảm bảo sự phát triển bền vững.

Thực hiện tốt quy hoạch các vấn đề về môi trường: Hệ thống thoát nước của các thành phố, thị xã và thị trấn; hệ thống thoát nước sinh hoạt; hệ thống thoát nước nước thải công nghiệp; hệ thống xử lý chất thải rắn; hệ thống nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, làng nghề, rác thải nông thôn.

Tăng cường quản lý và xử lý ô nhiễm môi trường trong các khu đô thị, thị trấn, thị tứ, khu dân cư, các khu, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và các khu vực khai thác khoáng sản.

6. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng

Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thuận lợi cho yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh, trong đó xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông cần đi trước một bước. Phát triển hệ thống giao thông liên vùng, liên tỉnh, liên huyện; xây dựng danh mục và tập trung đầu tư xây dựng các công trình trọng điểm.

a) Giao thông

Tiếp tục củng cố, khôi phục, nâng cấp hệ thống giao thông hiện có, đầu tư theo chiều sâu một số công trình quan trọng và xây dựng mới một số công trình cấp thiết để từng bước hoàn chỉnh mạng lưới giao thông, nhất là hệ thống giao thông đường bộ.

Tham gia với Bộ Giao thông vận tải trong việc nâng cấp các tuyến quốc lộ. Hoàn thành đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (đoạn qua địa phận tỉnh Yên Bái). Tiếp tục nâng cấp các tuyến tỉnh lộ hiện có. Đầu tư xây dựng mới các tuyến đường quan trọng: Đường ngang; hệ thống cầu yếu; cầu Tuần Quán, cầu Hồng Hà, cầu Cổ Phúc vượt sông Hồng; đường vành đai thành phố Yên Bái. Xây dựng, nâng cấp các tuyến đường nội thị, đường tránh ngập thành phố Yên Bái; hoàn thiện hệ thống đường đô thị kết hợp với hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị; hệ thống bến, bãi đỗ xe; quảng trường, cây xanh, vườn hoa; hệ thống đèn tín hiệu, phân làn, luồng đảm bảo mỹ quan đô thị và an toàn giao thông. Phát triển các tuyến đường trục chính của các huyện; hoàn thiện hệ thống đường huyện, đường liên xã; đảm bảo 100% các xã có đường giao thông ô tô đến trung tâm xã được cứng hóa, đi lại được 4 mùa; kiên cố hoá hệ thống đường giao thông nông thôn.

Tham gia với Bộ Giao thông vận tải xây dựng tuyến đường sắt đồng bộ, hiện đại phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển ngành đường sắt Việt Nam. Nâng cấp hoàn thiện hệ thống thông tin tín hiệu hiện đại. Đầu tư cải tạo, nâng cấp một số ga trên địa bàn tỉnh.

Đầu tư xây dựng các bến cảng, bến thủy, các phương tiện vận tải đường thủy đảm bảo chất lượng phục vụ vận tải hàng hóa và hành khách.

b) Hệ thống thủy lợi, nước sinh hoạt

Tiếp tục đầu tư xây dựng kiên cố hoá hệ thống thủy lợi, đê, kè chống ngập úng, sạt lở. Xây dựng các trạm bơm đảm bảo tưới cho các diện tích lúa dọc theo bờ sông Hồng. Đầu tư xây dựng các cụm công trình thủy lợi thay thế cho các công trình thủy lợi có diện tích tưới nhỏ lẻ, manh mún.

Xây dựng hoàn chỉnh, cải tạo hệ thống lọc nước, mở rộng thêm đường ống phân phối của các nhà máy nước hiện có; mở rộng các nhà máy nước ở khu, cụm công nghiệp; đầu tư xây dựng thêm các cơ sở cung cấp nước sạch cho các thị trấn, thị tứ và nông thôn.

c) Hệ thống điện

Đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống lưới điện, thiết bị hiện có và hoàn thành các công trình đường dây tải điện, trạm biến áp phân phối và lưới điện,... đảm bảo chất lượng, giảm tổn thất điện năng. Tiếp tục thực hiện đầu

tư xây dựng các dự án thủy điện, nhất là hệ thống thủy điện cực nhỏ phục vụ các vùng nông thôn nằm quá xa trung tâm xã, phân bố dân cư thưa thớt, đi lại khó khăn không có điện lưới quốc gia.

d) Hạ tầng công cộng khác

Căn cứ vào nguồn lực từng thời kỳ xem xét đầu tư nâng cấp hoặc xây dựng mới các cơ quan Đảng, đoàn thể, nhà nước, trụ sở xã; các khu công viên cây xanh, vui chơi, giải trí; khách sạn, trung tâm thương mại và các chợ đầu mối; các khu đô thị mới, khu dân cư tập trung; các nhà máy xử lý nước thải, rác thải; hệ thống công trình kè chống lũ, chống sạt lở bờ sông Hồng;...

Tiếp tục xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông với công nghệ tiên tiến đáp ứng nhu cầu phát triển dịch vụ và ứng dụng công nghệ thông tin.

7. Quốc phòng an ninh

Tiếp tục xây dựng Yên Bái trở thành tỉnh giàu về kinh tế, mạnh về quốc phòng, xây dựng căn cứ hậu phương vững mạnh trong khu vực phòng thủ vững chắc, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội. Phát triển kinh tế - xã hội luôn gắn với củng cố quốc phòng an ninh, hoàn thiện thể trận quốc phòng toàn dân và thể trận an ninh nhân dân. Nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu của quân đội và khả năng chủ động ứng phó của lực lượng công an trong mọi tình huống.

IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THEO LÃNH THỔ

1. Phát triển vùng

a) Vùng kinh tế phía Đông: Trong vùng có nhiều khu, cụm công nghiệp, có đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai đi qua, là điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội. Thành phố Yên Bái là một trong các trung tâm kinh tế trên tuyến hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng. Quy hoạch thành phố Yên Bái trở thành một trung tâm công nghiệp, khu thương mại, khu du lịch, khu hành chính, khu văn hóa, thể thao, y tế, giáo dục trên tuyến hành lang để thành phố Yên Bái trở thành động lực, đầu tàu kinh tế của tỉnh.

b) Vùng kinh tế phía Tây: Đầu tư phát triển thị xã Nghĩa Lộ đạt tiêu chuẩn thị xã văn hóa, là trung tâm văn hóa - thương mại - dịch vụ của vùng. Phát triển ngành công nghiệp lợi thế, đưa huyện Văn Chấn trở thành trung tâm động lực phát triển khu vực phía Tây của tỉnh. Tập trung đầu tư phát triển 2 huyện Trạm Tấu và Mù Cang Chải theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ. Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng phù hợp, thuận lợi; xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hoá dân tộc; nâng cao dân trí; bảo vệ môi trường; đảm bảo quốc phòng, an ninh.

2. Phát triển đô thị, các điểm dân cư tập trung

Tiếp tục thực hiện việc điều chỉnh địa giới hành chính của các đô thị lớn và các huyện, thị xã, thành phố cho phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; bố trí sắp xếp lại dân cư nhằm giảm thiểu thiệt hại do thiên tai, nhất là khu vực phía Tây. Xây dựng và phát triển mạng lưới đô thị đến năm 2020 gồm: Thành phố Yên Bái; thị xã Nghĩa Lộ; các thị trấn Cổ Phúc, Mậu A, Yên Bình. Hình thành thị trấn từ xã Sơn Thịnh (huyện Văn Chấn). Đầu tư xây dựng các trung tâm cụm xã theo tiêu chí nông thôn mới để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn.

3. Phân bố không gian phát triển công nghiệp

Phát triển các khu, cụm công nghiệp với quy mô hợp lý ở các địa bàn thuận lợi, phù hợp với điều kiện về tiềm năng lợi thế về vùng nguyên liệu, nguồn lao động, thị trường tiêu thụ để phát triển sản xuất công nghiệp, gắn với bảo vệ môi trường, đảm bảo thực hiện mục tiêu phát triển bền vững.

V. DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

VI. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Về huy động và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư

Để thực hiện các mục tiêu quy hoạch đề ra, nhu cầu vốn đầu tư phát triển trong 10 năm 2011 - 2020 khoảng 104.000 tỷ đồng, trong đó giai đoạn 2011 - 2015 khoảng 34.000 tỷ đồng, giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 70.000 tỷ đồng.

Ngoài phát huy nội lực, cần thực hiện tốt chính sách thu hút đầu tư để huy động các nguồn vốn từ bên ngoài, quản lý tốt các nguồn lực đầu tư. Phát triển mạnh các ngành sản xuất và dịch vụ để chống thất thu, tăng thu cho ngân sách nhà nước. Phân đầu tăng tỷ lệ thu từ các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp.

Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, tạo môi trường thuận lợi để phát triển mạnh hệ thống doanh nghiệp nhằm huy động vốn đầu tư của mọi thành phần kinh tế và nguồn vốn tín dụng đầu tư phát triển. Huy động nguồn vốn từ quỹ đất thông qua việc đấu giá đất, đấu thầu dự án; huy động vốn thông qua các hình thức BOT, BTO, BT, PPP để xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng. Đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại, làm tốt công tác vận động tài trợ. Ưu tiên dành vốn ODA đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy hoạch để thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI.

2. Về phát triển hệ thống doanh nghiệp

Dự kiến năm 2015 hoàn thành việc củng cố sắp xếp lại tổ chức sản xuất theo hướng chuyển đổi sở hữu, cổ phần hoá một số doanh nghiệp nhà nước. Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh. Khuyến khích thành lập mới các loại hình doanh nghiệp theo quy định.

Xây dựng một nhóm các doanh nghiệp đầu đàn có quy mô lớn trên các lĩnh vực (vốn từ 200 tỷ đồng trở lên, doanh thu từ 300 tỷ đồng trở lên), đủ sức cạnh tranh trên thị trường, tham gia vào thị trường chứng khoán, làm động lực thúc đẩy sự phát triển của hệ thống doanh nghiệp toàn tỉnh.

3. Về nguồn nhân lực

Cần quan tâm vấn đề đào tạo nguồn nhân lực ngay từ giáo dục mầm non đến giáo dục phổ thông và công tác dạy nghề. Xây dựng và thực hiện các đề án về đào tạo nguồn nhân lực thuộc các ngành, lĩnh vực. Coi đào tạo nghề là khâu đột phá trong đào tạo nguồn nhân lực. Chú trọng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, lao động vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn. Quan tâm đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực tại cơ sở. Chăm lo đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, các chuyên gia, doanh nhân giỏi, đội ngũ công nhân lành nghề, các nhà sản xuất giỏi. Thực hiện tốt các chế độ, chính sách ưu đãi để thu hút nhân tài và lao động có trình độ chuyên môn cao công tác lâu dài tại Yên Bái. Thực hiện nghiêm các chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định.

4. Về khoa học, công nghệ

Hỗ trợ các doanh nghiệp áp dụng các tiến bộ khoa học và đổi mới công nghệ, sử dụng công nghệ sạch. Ngăn ngừa và xử lý nghiêm các trường hợp sử dụng công nghệ gây ô nhiễm môi trường. Tăng mức hỗ trợ đầu tư đổi mới công nghệ cho một số ngành sản xuất chủ yếu. Đa dạng hóa các nguồn vốn cho hoạt động khoa học công nghệ.

Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ theo yêu cầu phát triển của từng ngành, lĩnh vực, sản phẩm. Ưu tiên phát triển các lĩnh vực công nghệ cao, đặc biệt là trong sản xuất nông lâm nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Đổi mới cơ chế quản lý, nâng cao hiệu quả của các đề tài, dự án khoa học có khả năng áp dụng và nhân rộng cao.

Đổi mới chính sách phát triển và sử dụng nguồn nhân lực khoa học công nghệ của tỉnh, đồng thời tranh thủ sự hợp tác, hỗ trợ của Trung ương và các tỉnh bạn. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ khoa học công nghệ về trình độ chuyên môn và năng lực quản lý về khoa học công nghệ.

5. Về tài nguyên và bảo vệ môi trường

Thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý, có hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên của tỉnh. Chú trọng công tác vệ sinh môi trường nông nghiệp và nông thôn, đặc biệt là vệ sinh môi trường ở vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn. Trong cân đối nguồn vốn ngân sách nhà nước hàng năm, cần ưu tiên bố trí hợp lý vốn đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường.

Thực hiện tốt các hoạt động ưu tiên nhằm thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, như: Chống thoái hoá, sử dụng có hiệu quả và bền vững tài nguyên đất; bảo vệ nguồn nước và sử dụng bền vững tài nguyên nước; khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm, bền vững tài nguyên khoáng sản; bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng; giảm ô nhiễm không khí ở các đô thị, các khu, cụm công nghiệp; quản lý có hiệu quả chất thải rắn và chất thải độc hại; bảo tồn đa dạng sinh học; phòng chống thiên tai, lũ quét, sự cố môi trường.

6. Về thị trường

Tiếp tục mở rộng thị trường trong nước, tìm kiếm thị trường quốc tế. Phát triển thị trường nông thôn, vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn, xây dựng và mở rộng mạng lưới chợ đầu mối, nhằm thúc đẩy giao lưu và trao đổi hàng hoá. Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm để đủ sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường. Tiến tới phát triển đồng bộ các loại thị trường, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh cho các nhà đầu tư. Từng bước hình thành các thị trường bất động sản, thị trường chứng khoán, thị trường lao động, thị trường khoa học công nghệ... phù hợp với yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

7. Về công tác tổ chức thực hiện quy hoạch

Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng; nâng cao năng lực quản lý, điều hành của chính quyền các cấp. Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, nhất là giảm các thủ tục hành chính, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong các ngành, lĩnh vực.

Căn cứ điều chỉnh quy hoạch được duyệt, các ngành, các cấp, các huyện, thị xã, thành phố xây dựng các quy hoạch, kế hoạch 5 năm và hàng năm đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh; định kỳ tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện quy hoạch. Công bố rộng rãi các quy hoạch để doanh nghiệp tự lựa chọn đầu tư sản xuất, kinh doanh, xây dựng kết cấu hạ tầng.

Trong quá trình thực hiện quy hoạch, căn cứ vào tình hình thực tế, định kỳ 5 năm các ngành, các cấp, các địa phương cần tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế và định hướng phát triển của tỉnh.

Điều 2. Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Yên Bái đến năm 2020 là cơ sở cho việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch ngành (quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch chuyên ngành khác có liên quan), các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong nội dung quy hoạch đã được phê duyệt, chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành liên quan chỉ đạo việc lập, trình duyệt và triển khai theo quy định các nội dung sau:

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp huyện; quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực để đảm bảo phát triển tổng thể, đồng bộ giữa kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh.

2. Lập các kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội trọng điểm, các dự án cụ thể để tập trung đầu tư, ưu tiên bố trí nguồn vốn một cách hợp lý.

3. Nghiên cứu, xây dựng, ban hành, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành (nếu vấn đề vượt quá thẩm quyền) một số cơ chế, chính sách phù hợp yêu cầu phát triển của tỉnh trong từng giai đoạn nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để thực hiện quy hoạch.

Điều 4. Các Bộ, ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

1. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái trong quá trình thực hiện quy hoạch; nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Yên Bái trong từng giai đoạn nhằm sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; khuyến khích, thu hút đầu tư theo mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nêu trong quy hoạch.

2. Phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái trong việc điều chỉnh, bổ sung vào quy hoạch ngành, lĩnh vực đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của quy hoạch; xem xét hỗ trợ tỉnh trong việc huy động các nguồn vốn đầu tư trong nước và nước ngoài để thực hiện quy hoạch.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 116/2006/QĐ-TTg ngày 26 tháng 5 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Yên Bái thời kỳ 2006 - 2020.

Điều 6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

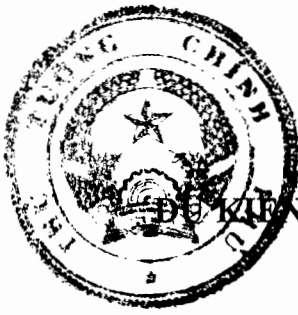
Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng TW Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu VT, ĐP (5b).KN. 240

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng



Phụ lục

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ
THỜI KỲ 2011 - 2020 CỦA TỈNH YÊN BÁI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1154/QĐ-TTg
ngày 28 tháng 8 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ)

A	CÁC DỰ ÁN DO BỘ, NGÀNH ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH:
1	Nâng cấp: Quốc lộ 32; quốc lộ 32C; quốc lộ 37 (đoạn thành phố Yên Bái - Ba Khe)
2	Xây dựng đường vành đai 3 thành phố Yên Bái (quốc lộ 37) nối quốc lộ 70 - Minh Bảo - thị trấn Cổ Phúc - đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai
3	Xây dựng cầu Cổ Phúc vượt sông Hồng
4	Xây dựng tuyến đường sắt Yên Bái - Thái Nguyên
B	CÁC DỰ ÁN DO TỈNH LÀM CHỦ ĐẦU TƯ:
1	Phát triển nuôi trồng thủy sản
2	Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Mù Cang Chải; Khu bảo tồn thiên nhiên Nà Hẩu - Văn Yên
3	Nâng cao chất lượng các sản phẩm nông nghiệp và khí sinh học
4	Cải tạo hệ thống điện các huyện
5	Xây dựng các tuyến đường: Thành phố, huyện, liên huyện; đường nối quốc lộ với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai; cầu: Tuần Quán; Hồng Hà
6	Nâng cấp: Đường Khánh Hoà - Yên Thế; đường Hợp Minh - Mỹ; đường Đại Lịch - Minh An; đường Khánh Hoà - Minh Xuân - Vĩnh Tuy
7	Các công trình thủy lợi; hệ thống kè chống lũ, chống sạt lở bờ sông Hồng; khu dân cư
8	Quy hoạch, xây dựng kết cấu hạ tầng, các khu đô thị dân cư; các khu, cụm công nghiệp và Chương trình nhà ở người có thu nhập thấp
9	Các công trình: Làng văn hoá cổ, làng nghề truyền thống; khu triển lãm
10	Xây dựng, nâng cấp: Bệnh viện đa khoa; các bệnh viện chuyên khoa; Trung tâm khám chữa bệnh chất lượng cao
11	Các dự án công nghệ thông tin
12	Phát triển hệ thống phát thanh truyền hình
13	Hệ thống cấp, thoát nước; hệ thống xử lý rác thải, nước thải
C	CÁC DỰ ÁN KÊU GỌI CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ ĐẦU TƯ:
1	Phát triển chăn nuôi gia súc theo phương pháp bán công nghiệp
2	Thâm canh, cải tạo cây chè
3	Trồng và chế biến tinh dầu quế, bột quế

4	Xây dựng nhà máy xi măng công suất 1 - 2 triệu tấn/năm
5	Sản xuất: Sứ kỹ thuật; sứ dân dụng; đá Granit ốp lát
6	Sản xuất gạch lát hoa
7	Xây dựng nhà máy nghiền CaCO ₃ siêu mịn
8	Chế biến chè sạch tinh chế công nghệ cao
9	Sản xuất: Giấy Kraft; bột giấy; gỗ ván sản cao cấp; đồ gỗ gia dụng; ván MDF xuất khẩu; ván ghép thanh; đũa gỗ xuất khẩu.
10	Luyện gang thép
11	Sản xuất chất tẩy rửa và hoá chất; sản xuất sơn công nghiệp
12	Đầu tư xây dựng nhà máy: Luyện chì, kẽm; sản xuất và lắp ráp ô tô; sản xuất cồng sinh học; chế biến gỗ rừng trồng.
13	Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện nhỏ và vừa
14	Xây dựng Tổ hợp Văn phòng, Khách sạn, Du lịch Thương mại; trung tâm thương mại
15	Khu du lịch sinh thái: Hồ Thác Bà; Suối Giàng; Đàm Hậu; Vân Hội; Bản Bon; Tân Lĩnh; Khai Trung - Tân Lập; suối nước nóng Bản Hốc.
16	Đầu tư xây dựng các khu du lịch văn hoá, sinh thái, nghỉ dưỡng
17	Xây dựng khu thể thao, giải trí tại thành phố Yên Bái

Ghi chú: Về vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng và tổng mức đầu tư của các công trình, dự án trong Danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ./.